

Bản án số 188/2026/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 5 - 2026

Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Nguyễn Hoài Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Phượng Q, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp CK, xã QP, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096194006375 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/8/2021 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Ấp CK, xã QP, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị Phượng Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L chung sống năm 2010 đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại UBND xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nay UBND xã QP, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chị và anh L phát sinh mâu thuẫn do anh L có quan hệ với người khác giới dẫn đến cự cãi và ly thân cách đây trên ba năm. Chị xác định không còn tình cảm và yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Về con chung: Chị Q và anh L có ba con chung là cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 24/4/2011; cháu Trần Như Y, sinh ngày 16/02/2018 và cháu Trần Văn P, sinh ngày 24/8/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng ba con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Đối với anh Trần Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Phụng Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Q, anh L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị Q xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh L có quan hệ với người khác giới dẫn đến cự cãi. Xét thấy, chị Q, anh L đã ly thân, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị Quyên. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Q được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị Q, thấy rằng: Cháu Đ, cháu Y và cháu P đang sống chung chị Q vẫn phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu Đ, cháu Y có nguyện vọng sống cùng chị Q. Anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị Q. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Đ, cháu Y và cháu P cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Q phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Phượng Q, cho chị Trần Thị Phượng Q được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 24/4/2011; cháu Trần Như Y, sinh ngày 16/02/2018 và cháu Trần Văn P, sinh ngày 24/8/2020 cho chị Trần Thị Phượng Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Phượng Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003570 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã QP, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

